

**ỦY BAN BẦU CỬ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 18 /QĐ-UBBC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ấn định số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2026-2031

ỦY BAN BẦU CỬ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tại Văn bản số 6731/UBND-NC ngày 20/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ấn định số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2026-2031, như sau:

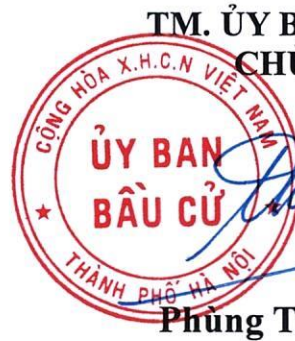
1. Số đơn vị bầu cử là 31 (ba mươi mốt) đơn vị.
2. Số lượng đại biểu được bầu là 125 (một trăm hai mươi lăm) đại biểu.
3. Danh sách các đơn vị bầu cử và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử.
(Chi tiết tại phụ lục gửi kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng bầu cử quốc gia;
- Chính phủ;
- Ủy ban TWMTTQ Việt Nam;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- UBND Thành phố;
- Ủy ban MTTQVN Thành phố;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể thành phố;
- TTHĐND, UBND, UBBC xã, phường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN BẦU CỬ
CHỦ TỊCH**

Phùng Thị Hồng Hà

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HÒND THÀNH PHỐ,
SỞ ĐẠI BIỂU ĐƯỢC BẦU Ở MỖI ĐƠN VỊ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HÒND
THÀNH PHỐ HÀ NỘI NHIỆM KỲ 2026-2031**



(Kèm theo Quyết định số 18 /QĐ-UBBC ngày 22 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban bầu cử thành phố Hà Nội)

STT	Đơn vị bầu cử	Số dân	Số lượng đại biểu bầu
TỔNG		8.564.116	125
I	Đơn vị bầu cử số 1	158.598	3
1	Phường Hoàn Kiếm	105.540	
2	Phường Cửa Nam	53.058	
II	Đơn vị bầu cử số 2	249.495	3
1	Phường Ba Đình	62.153	
2	Phường Ngọc Hà	91.038	
3	Phường Giảng Võ	96.304	
III	Đơn vị bầu cử số 3	299.667	5
1	Phường Hai Bà Trưng	90.461	
2	Phường Vĩnh Tuy	77.927	
3	Phường Bạch Mai	131.279	
IV	Đơn vị bầu cử số 4	408.087	5
1	Phường Đồng Đa	86.300	
2	Phường Kim Liên	100.130	
3	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám	107.661	
4	Phường Láng	46.847	
5	Phường Ô Chợ Dừa	67.149	
IV	Đơn vị bầu cử số 5	246.034	3
1	Phường Cầu Giấy	65.883	
2	Phường Nghĩa Đô	101.359	
3	Phường Yên Hòa	78.792	
VI	Đơn vị bầu cử số 6	252.561	4
1	Phường Tây Hồ	100.602	
2	Phường Phú Thượng	33.067	
3	Phường Hồng Hà	118.892	
VII	Đơn vị bầu cử số 7	267.196	4
1	Phường Thanh Xuân	108.821	
2	Phường Khương Đình	93.951	
3	Phường Phương Liệt	64.424	

m

STT	Đơn vị bầu cử	Số dân	Số lượng đại biểu bầu
VIII	Đơn vị bầu cử số 8	273.545	5
1	Phường Hoàng Mai	90.846	
2	Phường Vĩnh Hưng	63.998	
3	Phường Tương Mai	118.701	
IX	Đơn vị bầu cử số 9	184.082	3
1	Phường Lĩnh Nam	20.465	
2	Phường Định Công	74.562	
3	Phường Hoàng Liệt	63.941	
4	Phường Yên Sở	25.114	
X	Đơn vị bầu cử số 10	261.908	4
1	Phường Tây Tựu	38.195	
2	Phường Phú Diễn	69.215	
3	Phường Xuân Đình	50.362	
4	Phường Đông Ngạc	80.424	
5	Phường Thượng Cát	23.712	
XI	Đơn vị bầu cử số 11	279.780	5
1	Phường Từ Liêm	117.075	
2	Phường Xuân Phương	49.738	
3	Phường Tây Mỗ	56.504	
4	Phường Đại Mỗ	56.463	
XII	Đơn vị bầu cử số 12	338.953	5
1	Phường Long Biên	65.703	
2	Phường Bồ Đề	121.600	
3	Phường Việt Hưng	92.706	
4	Phường Phúc Lợi	58.944	
XIII	Đơn vị bầu cử số 13	411.967	5
1	Phường Hà Đông	195.752	
2	Phường Dương Nội	51.892	
3	Phường Yên Nghĩa	55.900	
4	Phường Phú Lương	46.491	
5	Phường Kiến Hưng	61.932	
XIV	Đơn vị bầu cử số 14	155.002	3
1	Phường Sơn Tây	73.253	
2	Phường Tùng Thiện	40.937	
3	Xã Đoàn Phương	40.812	

STT	Đơn vị bầu cử	Số dân	Số lượng đại biểu bầu
XV	Đơn vị bầu cử số 15	325.866	5
1	Xã Quảng Oai	59.473	
2	Xã Vật Lại	62.935	
3	Xã Cổ Đô	72.882	
4	Xã Bất Bạt	42.010	
5	Xã Suối Hai	34.061	
6	Xã Ba Vì	26.374	
7	Xã Yên Bài	21.445	
8	Xã Minh Châu	6.686	
XVI	Đơn vị bầu cử số 16	389.150	5
1	Phường Chương Mỹ	88.488	
2	Xã Phú Nghĩa	71.321	
3	Xã Xuân Mai	69.528	
4	Xã Trần Phú	45.948	
5	Xã Hòa Phú	50.024	
6	Xã Quảng Bị	63.841	
XVII	Đơn vị bầu cử số 17	298.567	5
1	Phường Thanh Liệt	68.285	
2	Xã Thanh Trì	49.582	
3	Xã Đại Thanh	92.983	
4	Xã Nam Phù	46.506	
5	Xã Ngọc Hồi	41.211	
XVIII	Đơn vị bầu cử số 18	238.221	3
1	Xã Thượng Phúc	46.324	
2	Xã Thường Tín	72.748	
3	Xã Chương Dương	58.362	
4	Xã Hồng Vân	60.787	
XIX	Đơn vị bầu cử số 19	281.821	5
1	Xã Phú Xuyên	100.604	
2	Xã Phụng Dục	60.592	
3	Xã Chuyên Mỹ	45.110	
4	Xã Đại Xuyên	75.515	
XX	Đơn vị bầu cử số 20	239.407	3
1	Xã Thanh Oai	55.183	
2	Xã Bình Minh	81.705	
3	Xã Tam Hưng	39.393	
4	Xã Dân Hòa	63.126	

STT	Đơn vị bầu cử	Số dân	Số lượng đại biểu bầu
XXI	Đơn vị bầu cử số 21	249.057	3
1	Xã Vân Đình	61.049	
2	Xã Ứng Thiên	54.247	
3	Xã Hòa Xá	69.760	
4	Xã Ứng Hòa	64.001	
XXII	Đơn vị bầu cử số 22	224.022	3
1	Xã Mỹ Đức	54.002	
2	Xã Hồng Sơn	63.057	
3	Xã Phúc Sơn	54.460	
4	Xã Hương Sơn	52.503	
XXIII	Đơn vị bầu cử số 23	210.782	3
1	Xã Phúc Thọ	75.942	
2	Xã Phúc Lộc	61.835	
3	Xã Hát Môn	73.005	
XXIV	Đơn vị bầu cử số 24	249.762	3
1	Xã Thạch Thất	57.976	
2	Xã Hạ Bằng	43.439	
3	Xã Tây Phương	103.356	
4	Xã Hòa Lạc	17.882	
5	Xã Yên Xuân	27.109	
XXV	Đơn vị bầu cử số 25	215.430	3
1	Xã Quốc Oai	63.793	
2	Xã Hưng Đạo	49.879	
3	Xã Kiều Phú	58.348	
4	Xã Phú Cát	43.410	
XXVI	Đơn vị bầu cử số 26	292.508	5
1	Xã Hoài Đức	68.300	
2	Xã Dương Hòa	59.454	
3	Xã Sơn Đồng	60.765	
4	Xã An Khánh	103.989	
XXVII	Đơn vị bầu cử số 27	193.496	3
1	Xã Đan Phượng	47.466	
2	Xã Ô Diên	97.664	
3	Xã Liên Minh	48.366	

XXVIII	Đơn vị bầu cử số 28	304.322	5
1	Xã Gia Lâm	77.832	
2	Xã Thuận An	68.233	
3	Xã Bát Tràng	48.101	
4	Xã Phù Đổng	110.156	
XXIX	Đơn vị bầu cử số 29	415.999	5
1	Xã Thư Lâm	99.719	
2	Xã Đông Anh	123.479	
3	Xã Phúc Thịnh	91.960	
4	Xã Thiên Lộc	58.601	
5	Xã Vĩnh Thanh	42.240	
XXX	Đơn vị bầu cử số 30	263.186	4
1	Xã Mê Linh	62.852	
2	Xã Yên Lãng	74.222	
3	Xã Tiến Thắng	62.162	
4	Xã Quang Minh	63.950	
XXXI	Đơn vị bầu cử số 31	385.645	5
1	Xã Sóc Sơn	119.013	
2	Xã Đa Phúc	84.636	
3	Xã Nội Bài	70.930	
4	Xã Trung Giã	61.808	
5	Xã Kim Anh	49.258	